

Số: 5196/QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp hệ đào tạo đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2716/NQ-HĐT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Biên bản cuộc họp xét tốt nghiệp ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng xét tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-ĐHNN ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Ngoại ngữ hệ chính quy cho 469 sinh viên đợt tháng 9 năm 2025. Trong đó khóa QH2021.F1: 374 sinh viên, QH2020.F1: 48 sinh viên, QH2019: 46 sinh viên, QH2018.F1: 01 sinh viên.

Khóa QH2021.F1

Ngành Sư phạm tiếng Anh	23 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	108 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	18 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	28 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	37 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	33 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	52 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Nhật Bản	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	67 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Hàn Quốc	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Ả Rập	04 sinh viên

Khóa QH2020.F1

Ngành Sư phạm tiếng Anh	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	20 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	05 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	02 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	09 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	01 sinh viên

Khóa QH2019.F1

Ngành Sư phạm tiếng Anh	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	17 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	06 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	07 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Ả Rập	02 sinh viên

Khóa QH2018.F1

Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	01 sinh viên
----------------------------------	--------------

Điều 2. Trường phòng Quản trị đại học, Trường phòng Đào tạo và Người học, Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường các Khoa đào tạo, Trường các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo, cấp bằng);
- HT, các PHT (để báo cáo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: QTĐH, ĐT&NH, Lh03.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hà Lê Kim Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040713	Nguyễn Thị An	16/06/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.70	Xuất sắc	
2	21040367	Đặng Thuỳ Anh	27/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.55	Giỏi	
3	21040081	Thái Phương Anh	18/03/2003	Nữ	Hưng Yên	3.51	Giỏi	
4	21040719	Lương Thị Ba	02/06/2003	Nữ	Nghệ An	3.25	Giỏi	
5	21040360	Nguyễn Nhật Bách	05/11/2003	Nam	Hà Nội	3.52	Giỏi	
6	21040721	Phạm Thùy Dương	13/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.10	Khá	
7	21040688	Quảng Thị Hà	09/04/2002	Nữ	Điện Biên	3.31	Giỏi	
8	21040691	Nông Thị Hiền	09/02/2003	Nữ	Cao Bằng	3.34	Giỏi	
9	21040293	Trương Hà Ngân Hoa	11/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.74	Xuất sắc	
10	21040692	Nguyễn Thu Hoài	11/06/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.35	Giỏi	
11	21040722	Trịnh Thị Thu Hoài	23/12/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.48	Giỏi	
12	21040017	Phạm Đức Hoàng	25/03/2003	Nam	Quảng Ninh	3.35	Giỏi	
13	21040146	Trần Lê Bảo Khánh	24/12/2003	Nam	Hà Nội	3.51	Giỏi	
14	21040568	Đặng Anh Khuê	08/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.75	Xuất sắc	
15	21040699	Hoàng Khánh Linh	18/10/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.25	Giỏi	
16	21040374	Phan Phương Linh	12/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.50	Giỏi	
17	21040725	Ngô Thị Quỳnh Nga	18/11/2003	Nữ	Hưng Yên	3.49	Giỏi	
18	21040227	Chế Hạnh Ngân	24/10/2003	Nữ	Nghệ An	3.82	Xuất sắc	
19	21040461	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	21/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.78	Xuất sắc	
20	21040546	Hoàng Thị Lê Như	06/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.77	Xuất sắc	
21	21040731	Nguyễn Huyền Trang	30/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.39	Giỏi	
22	21040022	Hoàng Quang Tùng	09/08/2003	Nam	Ninh Bình	3.73	Xuất sắc	
23	21040710	Quách Thị Uyên	29/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.24	Giỏi	

Danh sách gồm: 23 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040775	Nông Thiện An	12/04/2003	Nữ	Cao Bằng	3.50	Giỏi	
2	21040193	Bùi Quỳnh Anh	20/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.51	Giỏi	
3	21040778	Chu Văn Anh	12/09/2003	Nữ	Ninh Bình	3.64	Xuất sắc	
4	21040036	Hoàng Thị Vân Anh	06/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.55	Giỏi	
5	21040785	Lê Ngọc Anh	08/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi	
6	21040786	Lưu Phương Anh	01/10/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.60	Xuất sắc	
7	21040787	Lý Mai Anh	14/11/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.64	Xuất sắc	
8	21040788	Ngô Thị Phương Anh	04/08/2003	Nữ	Lào Cai	3.42	Giỏi	
9	21040994	Nguyễn Kiều Anh	04/03/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.33	Giỏi	
10	21040790	Nguyễn Minh Anh	08/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.48	Giỏi	
11	21040791	Nguyễn Ngọc Anh	22/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.59	Giỏi	
12	21040795	Nguyễn Thị Phương Anh	08/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.44	Giỏi	
13	21040651	Nguyễn Thị Tú Anh	24/03/2003	Nữ	Phú Thọ	3.57	Giỏi	
14	21040998	Phạm Lê Mai Anh	23/11/2003	Nữ	Ninh Bình	3.66	Xuất sắc	
15	21040800	Phạm Phương Anh	28/03/2003	Nữ	Ninh Bình	3.69	Xuất sắc	
16	21040799	Phang Ngọc Anh	05/02/2003	Nữ	Lào Cai	3.38	Giỏi	
17	21041000	Phùng Huyền Anh	02/12/2003	Nữ	Phú Thọ	3.62	Xuất sắc	
18	21040058	Thành Hữu Lâm Anh	31/10/2003	Nam	Hà Nội	3.25	Giỏi	
19	21040806	Đỗ Ngọc Ánh	16/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.45	Giỏi	
20	21040807	Phàn Thị Ngọc Ánh	08/11/2003	Nữ	Lào Cai	3.45	Giỏi	
21	21040111	Bùi Thị Thái Bình	06/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.34	Giỏi	
22	21041005	Hoàng Thị Bình	06/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.40	Giỏi	
23	21040813	Nguyễn Mai Chi	08/09/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.54	Giỏi	
24	21040814	Nguyễn Phan Thùy Chi	12/12/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.55	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	21040815	Phạm Khánh Chi	16/10/2003	Nữ	Cao Bằng	3.30	Giỏi	
26	21040817	Trần Thị Huyền Chi	31/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.36	Giỏi	
27	21041079	Nguyễn Chí Cường	12/02/2003	Nam	Đắk Lắk	3.67	Xuất sắc	
28	21040823	Nguyễn Thị Thanh Dung	19/12/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.37	Giỏi	
29	21040115	Trương Thanh Dung	09/06/2003	Nữ	Hưng Yên	3.41	Giỏi	
30	21040412	Đỗ Anh Dũng	06/04/2003	Nam	Hà Nội	2.97	Khá	
31	20040278	Nguyễn Xuân Dương	15/10/2002	Nam	Thanh Hóa	3.62	Xuất sắc	
32	21040182	Nguyễn Thị Anh Đào	20/09/2003	Nữ	Điện Biên	3.58	Giỏi	
33	21040831	Đặng Minh Đức	03/01/2003	Nam	Phú Thọ	3.44	Giỏi	
34	21040103	Bành Thị Giang	20/01/2003	Nữ	Nghệ An	3.47	Giỏi	
35	21040834	Lê Hà Giang	13/03/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.53	Giỏi	
36	21040835	Ngô Thị Hương Giang	23/12/2003	Nữ	Ninh Bình	3.46	Giỏi	
37	21040836	Nguyễn Hương Giang	21/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.44	Giỏi	
38	21040591	Nguyễn Thị Giang	24/03/2003	Nữ	Ninh Bình	3.91	Xuất sắc	
39	21040838	Nông Hương Giang	25/03/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.21	Giỏi	
40	21040839	Võ Thị Trà Giang	02/04/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.35	Giỏi	
41	21040843	Nguyễn Thu Hà	22/05/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.44	Giỏi	
42	21040846	Phạm Thu Hà	05/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.42	Giỏi	
43	21040847	Võ Lê Thu Hà	12/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.27	Giỏi	
44	21040848	Chu Thị Thu Hải	11/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.49	Giỏi	
45	21040850	Đinh Minh Hạnh	24/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.32	Giỏi	
46	21040654	Nguyễn Hồng Hạnh	28/06/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.53	Giỏi	
47	21040851	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	08/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.55	Giỏi	
48	21040855	Hoàng Thúy Hiền	09/10/2003	Nữ	Phú Thọ	3.47	Giỏi	
49	21040607	Ngô Việt Hoàng	10/07/2003	Nam	TP Hồ Chí Minh	3.39	Giỏi	
50	21040861	Nguyễn Thị Hồng Huê	05/09/2003	Nữ	Ninh Bình	3.54	Giỏi	
51	21040864	Hoàng Quốc Huy	27/12/2003	Nam	Hà Nội	3.60	Xuất sắc	
52	21040872	Nguyễn Thị Thanh Huyền	29/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.42	Giỏi	
53	21041016	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.56	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
54	20041424	Võ Khánh Huyền	12/10/2002	Nữ	Thanh Hóa	3.14	Khá	
55	21041019	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	25/09/2003	Nữ	Ninh Bình	3.72	Xuất sắc	
56	21041022	Nguyễn Tùng Lâm	21/03/2003	Nam	Phú Thọ	3.54	Giỏi	
57	21040030	Hoàng Ngọc Lân	23/06/2003	Nam	Hải Phòng	3.90	Xuất sắc	
58	21040880	Chu Thảo Linh	28/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
59	21040610	Đoàn Diệu Linh	11/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.57	Giỏi	
60	21040196	Lê Thảo Linh	10/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.68	Xuất sắc	
61	21040885	Ngô Trịnh Việt Linh	27/08/2003	Nữ	Nghệ An	3.63	Xuất sắc	
62	21041027	Nguyễn Phan Ngọc Linh	15/05/2003	Nữ	Ninh Bình	3.51	Giỏi	
63	21041030	Trần Hà Linh	27/08/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.22	Giỏi	
64	21040896	Trịnh Mai Linh	25/09/2003	Nữ	Lào Cai	3.30	Giỏi	
65	21040062	Hoàng Đỗ Duy Long	18/11/2003	Nam	Lào Cai	3.37	Giỏi	
66	21040087	Lê Ngọc Mai	26/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.56	Giỏi	
67	21041035	Tổng Thị Mai	14/05/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.47	Giỏi	
68	21040908	Trịnh Phương Mai	23/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.39	Giỏi	
69	21040038	Nguyễn Trần Minh	02/11/2003	Nam	Quảng Ninh	3.48	Giỏi	
70	21040914	Kiều Thanh Nga	07/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.61	Xuất sắc	
71	21040916	Triệu Thị Tuyết Ngân	12/05/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.43	Giỏi	
72	21040917	Đinh Như Ngọc	27/11/2003	Nữ	Lào Cai	3.33	Giỏi	
73	21040390	Ngô Minh Ngọc	08/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
74	21040919	Trần Bảo Ngọc	02/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.50	Giỏi	
75	21041043	Trương Mạn Ngọc	24/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.67	Xuất sắc	
76	21041045	Vy Lê Ngọc	16/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.40	Giỏi	
77	21040092	Ngô Văn Nguyễn	04/12/2003	Nam	Bắc Ninh	3.74	Xuất sắc	
78	21040925	Nguyễn Yến Nhi	05/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	
79	21040283	Trịnh Nhật Phương	17/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.57	Giỏi	
80	21040936	Đặng Thị Quyên	26/03/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.45	Giỏi	
81	21041048	Hoàng Diễm Quyên	08/04/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.49	Giỏi	
82	21041050	Phan Thị Quỳnh	14/01/2003	Nữ	Hưng Yên	3.35	Giỏi	
83	21041748	Phùng Thị Soan	19/01/2002	Nữ	Lạng Sơn	3.41	Giỏi	
84	21041054	Đinh Thị Thảo Tâm	22/02/2003	Nữ	Điện Biên	3.27	Giỏi	
85	21041080	Nguyễn Thanh Tâm	12/09/2003	Nữ	Hưng Yên	3.54	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
86	21040239	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	18/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.66	Xuất sắc	
87	21040940	Hà Nhật Tân	26/05/2003	Nam	Thái Nguyên	3.40	Giỏi	
88	21040657	Chung Minh Thái	22/02/2003	Nam	Thanh Hóa	3.56	Giỏi	
89	21040944	Hoàng Thị Phương Thảo	05/03/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.35	Giỏi	
90	21040945	Nguyễn Ngọc Thảo	13/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
91	21041061	Quản Thị Thảo	06/04/2003	Nữ	Hưng Yên	3.40	Giỏi	
92	21040949	Trần Thị Thanh Thảo	20/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.58	Giỏi	
93	21040950	Vi Thị Thảo	14/02/2003	Nữ	Nghệ An	3.55	Giỏi	
94	21040220	Phạm Phương Thuý	09/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.76	Xuất sắc	
95	21041068	Lê Anh Thư	26/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.42	Giỏi	
96	21040955	Đoàn Thanh Thương	26/11/2003	Nữ	Ninh Bình	3.23	Giỏi	
97	21040961	Đậu Thị Trang	16/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.46	Giỏi	
98	21040417	Đỗ Nguyễn Hà Trang	13/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.69	Xuất sắc	
99	21040960	Đồng Thị Trang	12/03/2003	Nữ	Hải Phòng	3.68	Xuất sắc	
100	21040963	Lê Minh Trang	02/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.45	Giỏi	
101	21040967	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi	
102	21041076	Phan Đậu Quỳnh Trang	13/04/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.70	Xuất sắc	
103	21040505	Nguyễn Minh Trí	12/10/2003	Nam	Hà Nội	3.54	Giỏi	
104	21040974	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	30/08/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.30	Giỏi	
105	21040977	Đào Nhã Uyên	04/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.73	Xuất sắc	
106	21040981	Nguyễn Thị Vân	27/05/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.42	Giỏi	
107	21040366	Lê Phương Yến	10/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.53	Giỏi	
108	21040989	Nguyễn Hải Yến	29/06/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.36	Giỏi	

Danh sách gồm: 108 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040336	Lê Minh Hằng	08/07/2001	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	
2	21040464	Phạm Quang Nhật	06/08/2003	Nam	Ninh Bình	3.20	Giỏi	
3	20041324	Nguyễn Thị Thảo	28/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi	

Danh sách gồm: 3 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040222	Nguyễn Thị Huyền Anh	27/08/2002	Nữ	Lào Cai	3.29	Giỏi	
2	20040109	Nguyễn Thị Ngọc Anh	03/11/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.66	Xuất sắc	
3	21040621	Đỗ Hoàng Bách	05/07/2003	Nam	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
4	20040250	Nguyễn Quỳnh Chi	18/09/2002	Nữ	Hải Phòng	3.36	Giỏi	
5	20041396	Triệu Quỳnh Chuyên	20/09/2002	Nữ	Phú Thọ	3.53	Giỏi	
6	20040266	Nguyễn Thùy Dung	27/12/2002	Nữ	Hưng Yên	3.66	Xuất sắc	
7	20040305	Nguyễn Nam Hiệp	24/12/2002	Nam	Hà Nội	3.41	Giỏi	
8	20040317	Đỗ Thị Thu Huyền	29/04/2002	Nữ	Hải Phòng	3.66	Xuất sắc	
9	20040339	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	09/01/2002	Nữ	Ninh Bình	3.13	Khá	
10	20040347	Bùi Phương Linh	04/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi	
11	20040361	Nguyễn Ngọc Linh	02/09/2002	Nữ	Thái Nguyên	3.45	Giỏi	
12	20040382	Trần Thị Ly	07/03/2002	Nữ	Hưng Yên	3.38	Giỏi	
13	20040392	Nguyễn Thị Hoa Mi	21/07/2002	Nữ	Tuyên Quang	3.49	Giỏi	
14	20040820	Nguyễn Trà My	13/03/2002	Nữ	Phú Thọ	3.60	Xuất sắc	
15	20041716	Hoàng Thị Nhị	24/02/2001	Nữ	Tuyên Quang	3.21	Giỏi	
16	20040957	Nguyễn Hồng Nhung	20/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.59	Giỏi	
17	20041196	Ngô Thị Thu Thúy	08/01/2002	Nữ	Bắc Ninh	2.97	Khá	
18	20040489	Đặng Thùy Trang	12/03/2002	Nữ	Ninh Bình	3.22	Giỏi	
19	20040519	Nguyễn Thị Thảo Vân	30/04/2002	Nữ	Nghệ An	3.63	Xuất sắc	
20	20041364	Nguyễn Thị Thảo Vân	15/01/2002	Nữ	Hà Nội	3.31	Giỏi	

Danh sách gồm: 20 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040742	Hồ Thị Thủy Anh	20/11/2001	Nữ	Nghệ An	3.26	Giỏi	
2	19040753	Nguyễn Mai Anh	08/07/2001	Nữ	Hưng Yên	3.30	Giỏi	
3	19040763	Phạm Nguyễn Minh Anh	22/06/2001	Nữ	Hà Nội	3.57	Giỏi	
4	19040776	Trần Ngọc Ánh	13/11/2001	Nữ	Ninh Bình	2.98	Khá	
5	19040801	Lâm Quang Dũng	27/01/2001	Nam	Tuyên Quang	3.22	Giỏi	
6	19040844	Nguyễn Thị Như Hậu	09/06/2000	Nữ	Hà Nội	3.59	Giỏi	
7	19040875	Bùi Tuấn Hưng	30/07/2001	Nam	Hải Phòng	3.58	Giỏi	
8	19040886	Lê Hải Kha	19/04/2001	Nam	Hưng Yên	3.19	Khá	
9	19040904	Đặng Ngọc Thùy Linh	01/05/2001	Nữ	Thanh Hóa	3.10	Khá	
10	20040784	Lê Ngọc Minh	02/12/2002	Nam	Ninh Bình	3.44	Giỏi	
11	19040968	Nguyễn Thị Nguyệt	22/09/2001	Nữ	Ninh Bình	3.09	Khá	
12	20041050	Nguyễn Đoàn Quang	23/04/2002	Nam	Bắc Ninh	3.29	Giỏi	
13	19040999	Đào Thị Như Quỳnh	16/06/2001	Nữ	Hải Phòng	3.19	Khá	
14	19041006	Nguyễn Minh Tâm	13/11/2001	Nữ	Bắc Ninh	3.27	Giỏi	
15	19041024	Trần Đình Thiện	04/06/2001	Nam	Hải Phòng	3.01	Khá	
16	19041027	Phan Hoài Thu	15/09/2001	Nữ	Phú Thọ	3.26	Giỏi	
17	19041052	Nguyễn Thị Thiên Trang	18/04/2001	Nữ	Hà Nội	3.45	Giỏi	

Danh sách gồm: 17 sinh viên✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040326	Đoàn Hồng Duyên	11/10/2001	Nữ	Hải Phòng	3.25	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh Mã ngành đào tạo: 7220201

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040194	Hà Thị Thanh Thảo	22/11/2001	Nữ	Quảng Ninh	3.57	Giỏi	
2	19041833	Trương Thị Thập	27/07/2000	Nữ	Cao Bằng	2.58	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041488	Vũ Ngọc Hà	20/08/2002	Nữ	Hà Nội	2.74	Khá	
2	20041494	Nguyễn Hồng Khánh Linh	24/11/2002	Nữ	Đồng Nai	3.06	Khá	
3	20040585	Vũ Đình Nguyên	28/02/2001	Nam	Hung Yên	2.68	Khá	
4	20040586	Vũ Minh Nguyệt	04/03/2002	Nữ	Phú Thọ	2.40	Trung Bình	
5	19040570	Lý Ngọc Trang	15/11/2001	Nữ	Hà Nội	2.78	Khá	

Danh sách gồm: 5 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041121	Lại Thị Ngọc Anh	08/04/2003	Nữ	Hưng Yên	2.75	Khá	
2	21041120	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	13/07/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.56	Giỏi	
3	21041085	Nguyễn Thị Minh Châu	11/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
4	21041127	Nguyễn Thị Dung	04/07/2003	Nữ	Lai Châu	3.03	Khá	
5	21041128	Mai Ba Duy	07/11/1997	Nam	Ninh Bình	3.51	Giỏi	
6	20040551	Nguyễn Thị Giang	29/01/2002	Nữ	Hưng Yên	2.87	Khá	
7	21041090	Ngô Thị Hạnh	28/02/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.62	Xuất sắc	
8	21041133	Đỗ Thị Thu Huyền	13/03/2003	Nữ	Hải Phòng	2.87	Khá	
9	21041151	Phạm Thị Huyền	08/12/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.42	Giỏi	
10	21041134	Vũ Minh Huyền	22/03/2003	Nữ	Hà Nội	2.65	Khá	
11	21041135	Nguyễn Thị Hường	05/10/2003	Nữ	Hưng Yên	3.53	Giỏi	
12	21041093	Lê Vũ Hoàng Lan	12/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.75	Xuất sắc	
13	21041100	Nguyễn Như Ngọc	21/05/2002	Nữ	Phú Thọ	2.59	Khá	
14	21041104	Phạm Như Quỳnh	12/12/2003	Nữ	Hà Nội	2.96	Khá	
15	21041105	Nguyễn Thị Thanh	06/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.47	Giỏi	
16	21041106	Ngô Thị Phương Thảo	24/03/2003	Nữ	Hà Nội	2.60	Khá	
17	19040569	Lê Thị Thu Trang	27/04/2001	Nữ	Bắc Ninh	2.04	Trung Bình	
18	21041146	Nguyễn Thị Thu Trang	07/01/2003	Nữ	Ninh Bình	2.64	Khá	

Danh sách gồm: 18 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220203CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041087	Nguyễn Thị Ngọc Anh	23/09/2001	Nữ	Thanh Hóa	2.70	Khá	
2	19041120	Nguyễn Quang Hiếu	28/02/2001	Nam	Hải Phòng	3.01	Khá	
3	19041146	Nguyễn Dung Mai	16/05/2001	Nữ	Hà Nội	2.75	Khá	
4	19041204	Nguyễn Bích Vân	19/04/2001	Nữ	Hà Nội	3.25	Giỏi	

Danh sách gồm: 4 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp

Mã ngành đào tạo: 7220203

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040135	Nguyễn Thị Hương Ly	24/12/2000	Nữ	Hà Nội	3.30	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220203CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040617	Nguyễn Hải Anh	03/09/2002	Nữ	Hưng Yên	3.16	Khá	
2	20040680	Trần Tuyết Mai	30/01/2002	Nữ	Lào Cai	3.01	Khá	
3	20041528	Nguyễn Bảo Ngọc	10/11/2002	Nữ	Điện Biên	3.28	Giỏi	
4	20040710	Ngô Quỳnh Trang	19/05/2002	Nữ	Phú Thọ	2.87	Khá	

Danh sách gồm: 4 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220203CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041206	Đặng Châu Anh	29/12/2003	Nữ	Hà Nội	2.87	Khá	
2	21040583	Phùng Thị Quỳnh Anh	31/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.12	Khá	
3	21041160	Vũ Linh Chi	20/04/2003	Nữ	Ninh Bình	3.23	Giỏi	
4	21041164	Nguyễn Thị Ngọc Hân	17/03/2003	Nữ	Ninh Bình	3.38	Giỏi	
5	21041166	Nguyễn Thị Hiền	02/02/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.17	Khá	
6	21041170	Bùi Quang Huy	29/07/2003	Nam	Hà Nội	3.04	Khá	
7	21041219	Nguyễn Thị Mai Hương	01/11/2003	Nữ	Quảng trị	3.47	Giỏi	
8	21041174	Vũ Lan Hương	12/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.26	Giỏi	
9	21041221	Nguyễn Mai Linh	09/07/2003	Nữ	Thái Nguyên	2.98	Khá	
10	21041180	Vũ Lê Hồng Loan	02/02/2003	Nữ	Ninh Bình	3.21	Giỏi	
11	20040682	Công Ngọc Mỹ	18/09/2002	Nữ	Hà Nội	3.44	Giỏi	
12	21041185	Phạm Bảo Ngọc	28/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.31	Giỏi	
13	21040660	Vũ Thảo Nguyên	22/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.73	Xuất sắc	
14	21041186	Cao Thị Linh Nhi	13/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	2.91	Khá	
15	20040970	Nguyễn An Ninh	25/08/2002	Nam	Ninh Bình	3.63	Xuất sắc	
16	21041188	Mai Xuân Phương	22/09/2003	Nam	Lào Cai	3.39	Giỏi	
17	21041189	Chu Xuân Quý	10/12/2003	Nam	Hung Yên	2.85	Khá	
18	21041234	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	14/09/2003	Nữ	Ninh Bình	3.15	Khá	
19	21040478	Nguyễn Minh Tâm	19/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.46	Giỏi	
20	21041195	Quản Hà Thu Thủy	27/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	
21	21040281	Dương Anh Thư	18/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.29	Giỏi	
22	21041197	Đoàn Hương Trà	13/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.21	Giỏi	
23	21041235	Dương Thị Trang	21/08/2003	Nữ	Phú Thọ	3.23	Giỏi	
24	21041237	Đinh Thị Huyền Trang	08/04/2003	Nữ	Hung Yên	3.28	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	20040718	Tô Sơn Tùng	13/11/2002	Nam	TP Hồ Chí Minh	3.61	Xuất sắc	
26	21041244	Đỗ Thu Uyên	18/05/2002	Nữ	Bắc Ninh	2.88	Khá	
27	21041204	Trịnh Thảo Vy	14/04/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.04	Khá	
28	20040726	Nguyễn Phi Yến	19/06/2002	Nữ	Hà Nội	3.06	Khá	

Danh sách gồm: 28 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041293	Nguyễn Tân Long	10/02/2001	Nam	Hà Nội	2.61	Khá	
2	19041352	Nguyễn Phương Thúy	02/02/2001	Nữ	Hung Yên	3.00	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Trung Quốc.

Mã ngành đào tạo: 7140234

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040141	Lồ Thị Nhân	18/04/2002	Nữ	Lào Cai	2.86	Khá	

Danh sách gồm: 1 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040502	Nguyễn Thị Thương	03/01/2003	Nữ	Phú Thọ	3.11	Khá	
2	21040664	Ngô Thị Quỳnh Trang	15/11/2002	Nữ	Quảng Ninh	3.22	Giỏi	

Danh sách gồm: 2 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Trung Quốc. Mã ngành đào tạo: 7140234

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040738	Hoàng Thị Phương Anh	02/10/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.11	Khá	

Danh sách gồm: 1 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041249	Đào Mai Anh	06/06/2003	Nữ	Lâm Đồng	3.04	Khá	
2	21040313	Hà Mai Anh	07/01/2003	Nữ	Hà Nội	2.79	Khá	
3	21041305	Tổng Bùi Hoàng Anh	04/01/2003	Nữ	Ninh Bình	3.41	Giỏi	
4	21040253	Trần Thị Ánh	07/08/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.67	Xuất sắc	
5	21041306	Lê Ngọc Bích	27/09/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.25	Giỏi	
6	21040301	Lê Ngọc Chi	24/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	
7	20040758	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	13/12/2002	Nữ	Hải Phòng	3.34	Giỏi	
8	21041260	Hoàng Hương Giang	22/10/2003	Nữ	Tuyên Quang	2.86	Khá	
9	21041312	Vũ Ngân Hà	07/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi	
10	21041315	Nguyễn Thu Hiền	22/04/2003	Nữ	Hải Phòng	3.27	Giỏi	
11	20040773	Đinh Thị Hoa	28/06/2002	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	
12	21041302	Bùi Nguyên Trúc Huyền	05/12/2003	Nữ	Lào Cai	2.89	Khá	
13	21041320	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.37	Giỏi	
14	21040202	Ngô Thị Thùy Linh	24/08/2003	Nữ	Lào Cai	3.55	Giỏi	
15	21040494	Phạm Trần Ngọc Linh	23/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.77	Xuất sắc	
16	21041271	Trần Thị Bích Loan	15/11/2003	Nữ	Ninh Bình	3.04	Khá	
17	21040294	Nguyễn Lê Minh	22/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.57	Giỏi	
18	21040380	Ngô Minh Bảo Ngọc	20/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi	
19	21040107	Nguyễn Ngọc Oanh	12/07/2003	Nữ	Hải Phòng	3.59	Giỏi	
20	21040190	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	06/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.59	Giỏi	
21	21041331	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	25/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.40	Giỏi	
22	21040088	Phạm Thị Thanh	01/12/2003	Nữ	Lào Cai	3.72	Xuất sắc	
23	21041333	Cao Thị Phương Thảo	25/09/2003	Nữ	Nghệ An	3.37	Giỏi	
24	21041335	Lưu Thị Thanh Thảo	15/05/2003	Nữ	Phú Thọ	3.27	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	21040018	Lý Thu Thảo	26/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.14	Khá	
26	19041344	Nguyễn Hương Thảo	12/10/2001	Nữ	Ninh Bình	2.90	Khá	
27	21041289	Nguyễn Ngọc Huyền Thu	12/09/2003	Nữ	Lào Cai	2.70	Khá	
28	21040458	Bùi Thị Minh Thúy	21/04/2003	Nữ	Nghệ An	3.49	Giỏi	
29	21040201	Nguyễn Ngọc Thương	23/09/2003	Nữ	Lai Châu	3.52	Giỏi	
30	21041338	Nguyễn Huyền Trang	02/01/2003	Nữ	Hà Tĩnh	2.66	Khá	
31	21041771	Phan Hạ Trang	30/01/2003	Nữ	Quảng Ninh	2.91	Khá	
32	21041293	Tô Huyền Trang	27/08/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.14	Khá	
33	21041339	Phạm Kiều Trinh	18/07/2003	Nữ	Cao Bằng	3.10	Khá	
34	21041295	Tô Thị Kiều Trinh	17/11/2003	Nữ	Quảng Ngãi	3.36	Giỏi	
35	21041340	Trần Kiều Trinh	18/02/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.09	Khá	
36	21041341	Nguyễn Tuệ Trúc	13/10/2003	Nữ	Hà Nội	2.96	Khá	
37	21040495	Hoàng Thanh Xuân	01/12/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.51	Giỏi	

Danh sách gồm: 37 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041393	Lê Văn Anh	07/08/2001	Nữ	Phú Thọ	2.90	Khá	
2	19041416	Đặng Thu Hà	24/07/2001	Nữ	Phú Thọ	2.73	Khá	
3	19041430	Nguyễn Thị Lan	23/01/2001	Nữ	Hung Yên	2.83	Khá	
4	19041452	Tuấn Như Ngọc	27/10/2000	Nữ	Hà Nội	3.08	Khá	

Danh sách gồm: 4 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041432	Cao Thị Thùy Linh	14/06/2001	Nữ	Bắc Ninh	2.81	Khá	
2	20040911	Nguyễn Phương Linh	05/11/2001	Nữ	Hà Nội	3.14	Khá	
3	19041437	Tạ Ngọc Linh	25/10/2001	Nữ	TP Hồ Chí Minh	3.56	Giỏi	
4	19041443	Nguyễn Trịnh Phương Mai	07/09/2001	Nữ	Hà Nội	2.89	Khá	
5	20040928	Trần Văn Hoàng Ngọc	14/09/2002	Nam	Hà Nội	3.17	Khá	
6	19041467	Nguyễn Phương Thảo	14/08/2001	Nữ	Hà Nội	2.67	Khá	
7	19041470	Phạm Thu Thảo	31/10/2001	Nữ	Hung Yên	2.90	Khá	
8	19041479	Hoàng Kiều Trang	30/04/2001	Nữ	Hà Nội	3.02	Khá	
9	19041482	Bùi Ngọc Tú	13/11/2001	Nữ	Ninh Bình	2.97	Khá	

Danh sách gồm: 9 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041393	Cam Thị Vân Anh	08/05/2003	Nữ	Hà Nội	2.95	Khá	
2	20040860	Hà Phương Anh	15/10/2002	Nữ	Hải Phòng	3.32	Giỏi	
3	21040550	Hà Quỳnh Anh	17/09/2003	Nữ	Hà Nội	2.90	Khá	
4	21041394	Nguyễn Hà Anh	07/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.46	Giỏi	
5	21041344	Nguyễn Quỳnh Anh	15/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.35	Giỏi	
6	21041345	Nguyễn Thị Vân Anh	25/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.40	Giỏi	
7	21041396	Đinh Thị Ngọc Ánh	02/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.41	Giỏi	
8	21040207	Vũ Minh Châu	25/06/2003	Nữ	Hưng Yên	3.15	Khá	
9	21041349	Nguyễn Khánh Chi	07/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.27	Giỏi	
10	21041352	Phạm Thùy Dương	17/12/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.05	Khá	
11	21040378	Phan Thị Hương Giang	12/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi	
12	21041401	Vũ Thị Hà Giang	28/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.18	Khá	
13	21041353	Bùi Việt Hà	27/07/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.14	Khá	
14	21041355	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/02/2003	Nữ	Hải Phòng	3.20	Giỏi	
15	21041407	Nguyễn Ngọc Huyền	05/09/2003	Nữ	Phú Thọ	3.28	Giỏi	
16	21041359	Trịnh Vân Khánh	15/10/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.46	Giỏi	
17	21041364	Nguyễn Khánh Linh	07/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.25	Giỏi	
18	21041409	Nguyễn Ngọc Linh	15/06/2003	Nữ	Ninh Bình	3.41	Giỏi	
19	21041415	Hoàng Kim Ngân	29/04/2003	Nữ	Phú Thọ	3.50	Giỏi	
20	21041372	Trần Ngọc Ngọc Nhi	28/04/2003	Nữ	Hà Nội	2.93	Khá	
21	21041373	Nguyễn Thị Hồng Nhung	30/04/2002	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi	
22	21041374	Phạm Thị Nhung	27/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.32	Giỏi	
23	21041375	Dương Hoàng Phúc	02/08/2003	Nam	Hà Nội	3.41	Giỏi	
24	21040602	Trần Thị Mai Phương	18/08/2003	Nữ	Hải Phòng	2.99	Khá	
25	21040110	Nguyễn Ngọc Tâm	24/10/2003	Nữ	Phú Thọ	3.36	Giỏi	
26	21040046	Tô Thị Phương Thanh	11/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.30	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
27	19041465	Hà Phương Thảo	27/02/2001	Nữ	Phú Thọ	3.27	Giỏi	
28	20040951	Nguyễn Thu Thảo	13/09/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.55	Giỏi	
29	21041385	Nguyễn Đỗ Vân Trang	12/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.29	Giỏi	
30	21041387	Nguyễn Thị Trang	31/08/2003	Nữ	Phú Thọ	3.25	Giỏi	
31	21041386	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	11/07/2003	Nữ	Hải Phòng	3.11	Khá	
32	21040142	Trịnh Hồng Vân	26/06/2003	Nữ	Hà Nội	2.73	Khá	
33	21041391	Nguyễn Đình Quốc Việt	05/02/2003	Nam	Nghệ An	3.45	Giỏi	

Danh sách gồm: 33 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2018.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	18041248	Nguyễn Hoàng Lan Chi	13/09/2000	Nữ	Hà Nội	2.45	Trung Bình	

Danh sách gồm: 1 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041495	Trần Thị Lan Anh	05/11/2001	Nữ	Phú Thọ	2.94	Khá	
2	19041579	Lại Thanh Mai	02/05/2001	Nữ	Hà Nội	3.44	Giỏi	
3	19041592	Vũ Thị Hằng Ngân	21/05/2001	Nữ	Ninh Bình	3.17	Khá	
4	19041596	Phạm Thanh Ngọc	17/10/2001	Nữ	Bắc Ninh	3.19	Khá	
5	19041612	Phạm Anh Quân	24/08/2001	Nam	Phú Thọ	2.92	Khá	
6	19041632	Trịnh Quang Thắng	20/07/2001	Nam	Hà Nội	3.04	Khá	

Danh sách gồm: 6 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040981	Lê Hoài Thu Anh	10/11/2002	Nữ	Phú Thọ	3.26	Giỏi	
2	20040982	Lê Thị Hải Anh	10/01/2002	Nữ	Hung Yên	3.36	Giỏi	
3	20041069	Nguyễn Minh Phương	17/01/2002	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi	

Danh sách gồm: 3 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Nhật Bản.

Mã ngành đào tạo: 7140236

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040174	Đỗ Thị Chi	15/10/2002	Nữ	Hưng Yên	3.75	Xuất sắc	
2	20040178	Tạ Hồng Ngọc	30/11/2002	Nữ	Phú Thọ	2.93	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040011	Nguyễn Chúc An	31/10/2001	Nữ	Hà Nội	3.76	Xuất sắc	
2	21041428	Dư Thị Quỳnh Anh	07/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.64	Xuất sắc	
3	20040977	Dương Phương Anh	16/11/2002	Nữ	Ninh Bình	3.74	Xuất sắc	
4	21041496	Đặng Phương Anh	04/12/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.58	Giỏi	
5	21040282	Nguyễn Nguyệt Anh	26/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi	
6	20040984	Nguyễn Phương Anh	08/09/2002	Nữ	Phú Thọ	3.50	Giỏi	
7	21040076	Nguyễn Thị Lan Anh	23/03/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.61	Xuất sắc	
8	21040080	Trần Kim Chi	30/12/2003	Nữ	Hưng Yên	3.50	Giỏi	
9	20041612	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	11/01/2002	Nữ	Thái Nguyên	3.53	Giỏi	
10	20041002	Lã Hoàng Hà	07/08/2002	Nữ	Tuyên Quang	3.38	Giỏi	
11	21041441	Nguyễn Thị Hào	11/12/2003	Nữ	Ninh Bình	3.36	Giỏi	
12	21041507	Đặng Thanh Hằng	24/06/2003	Nữ	Ninh Bình	3.50	Giỏi	
13	21040109	Bùi Thị Thu Hiền	09/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.58	Giỏi	
14	21040437	Nguyễn Thanh Hiền	04/10/2000	Nữ	Hà Nội	3.31	Giỏi	
15	21040280	Trương Gia Hiền	13/03/2003	Nam	Hà Nội	3.38	Giỏi	
16	20040472	Đỗ Trung Hiếu	03/05/2002	Nam	Tuyên Quang	3.65	Xuất sắc	
17	21041514	Bùi Thu Huyền	01/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.30	Giỏi	
18	21041445	Nguyễn Diệu Hương	10/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.67	Xuất sắc	
19	21041449	Thạch Thị Bích Liên	07/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.43	Giỏi	
20	20041618	Đỗ Phương Linh	26/11/2002	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
21	21041452	Lã Thị Ái Linh	07/11/2003	Nữ	Nghệ An	3.23	Giỏi	
22	20040685	Nguyễn Thị Nhật Linh	11/08/2002	Nữ	Hải Phòng	3.65	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
23	21041455	Nguyễn Thùy Linh	03/04/2003	Nữ	Phú Thọ	3.54	Giỏi	
24	21040572	Đào Xuân Mai	03/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi	
25	21041526	Hoàng Huyền Minh	13/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.36	Giỏi	
26	21040420	Nguyễn Hồng Minh	12/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.42	Giỏi	
27	21041554	Trần Anh Minh	06/12/2003	Nam	Thanh Hóa	3.39	Giỏi	
28	21041528	Vũ Quang Minh	18/06/2003	Nam	Phú Thọ	3.48	Giỏi	
29	20041622	Vũ Thị Nguyệt Minh	15/03/2002	Nữ	Ninh Bình	3.82	Xuất sắc	
30	21040429	Bùi Vũ Trà My	11/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.37	Giỏi	
31	21041529	Nguyễn Thị Hà My	08/09/2003	Nữ	Hưng Yên	3.41	Giỏi	
32	21040243	Hoàng Như Ngọc	24/09/2001	Nữ	Hà Nội	3.59	Giỏi	
33	21040135	Lê Hạnh Nguyên	09/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.65	Xuất sắc	
34	21041469	Phạm Thị Xuân Nhi	23/01/2003	Nữ	Nghệ An	3.62	Xuất sắc	
35	21041471	Trần Yến Như	08/09/2003	Nữ	Ninh Bình	3.56	Giỏi	
36	21040626	Đặng Như Quỳnh	27/01/2003	Nữ	Phú Thọ	3.52	Giỏi	
37	21041479	Ngô Thanh Tâm	09/01/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.50	Giỏi	
38	20041088	Phí Thị Thu Thảo	08/06/2002	Nữ	Hà Nội	3.50	Giỏi	
39	20041156	Trần Thị Phương Thảo	25/06/2000	Nữ	Hà Nội	3.50	Giỏi	
40	21041544	Dương Thị Thu Trang	26/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.36	Giỏi	
41	21041487	Lê Thị Trang	26/07/2003	Nữ	Hải Phòng	3.28	Giỏi	
42	21041546	Nguyễn Nhật Trang	25/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.46	Giỏi	
43	21041493	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	11/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.52	Giỏi	
44	21041549	Vũ Quang Trường	27/06/2003	Nam	Sơn La	3.31	Giỏi	
45	21041550	Trần Thị Cẩm Tú	25/02/2003	Nữ	Ninh Bình	3.55	Giỏi	
46	21041551	Trần Thị Hồng Tú	25/02/2003	Nữ	Ninh Bình	3.52	Giỏi	
47	20041107	Hoàng Thanh Tuyền	05/09/2002	Nữ	Hưng Yên	3.63	Xuất sắc	
48	21041552	Nguyễn Thị Kim Tuyền	23/08/2003	Nữ	Phú Thọ	3.50	Giỏi	
49	20041344	Nguyễn Thu Uyên	21/11/2002	Nữ	Hà Nội	3.76	Xuất sắc	
50	21040009	Vũ Nhật Việt	14/10/2003	Nam	Hải Phòng	3.26	Giỏi	
51	20041383	Nguyễn Diệu Vy	20/03/2002	Nữ	Hà Nội	3.80	Xuất sắc	
52	21041553	Phạm Thị Yến	31/07/2003	Nữ	Ninh Bình	3.46	Giỏi	

Danh sách gồm: 52 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khoá: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220210CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041672	Hà Thị Lan Anh	12/06/2001	Nữ	Lạng Sơn	3.33	Giỏi	
2	19041702	Tạ Thúy Hà	06/12/2001	Nữ	Gia Lai	3.09	Khá	
3	19041742	Đỗ Thị Phương Loan	31/01/2001	Nữ	Lào Cai	3.09	Khá	
4	19041748	Nguyễn Thị Ly	07/07/2001	Nữ	Hải Phòng	2.96	Khá	
5	19041786	Nguyễn Thị Thanh Thanh	01/01/2001	Nữ	Ninh Bình	3.13	Khá	
6	19041791	Vũ Hoàng Hương Thảo	20/04/2001	Nữ	Tuyên Quang	2.97	Khá	
7	19041819	Nguyễn Thị Hải Yến	03/07/2001	Nữ	Hải Phòng	3.02	Khá	

Danh sách gồm: 7 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220210CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041761	Nguyễn Kim Ngân	19/01/2001	Nữ	Lào Cai	3.22	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 25/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Hàn Quốc Mã ngành đào tạo: 7140237

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040772	Trịnh Minh Trang	28/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.47	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220210CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041638	Bùi Ngọc Anh	29/01/2003	Nữ	Hưng Yên	3.12	Khá	
2	21041557	Dương Thị Minh Anh	09/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.14	Khá	
3	21040653	Nguyễn Thị Phương Anh	16/01/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.10	Khá	
4	21041565	Nguyễn Thị Vân Anh	06/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.56	Giỏi	
5	21041566	Thạch Tuấn Anh	26/01/2003	Nam	Hà Nội	3.58	Giỏi	
6	21040514	Trương Ngọc Cẩm Anh	01/07/2003	Nữ	Hà Nội	2.87	Khá	
7	21041567	Lê Ngọc Ánh	30/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.60	Xuất sắc	
8	21040623	Đoài Thị Quỳnh Chi	28/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.52	Giỏi	
9	21041570	Nguyễn Thị Kim Chi	14/12/2003	Nữ	Hưng Yên	3.43	Giỏi	
10	21040638	Trần Mỹ Chung	30/12/2003	Nam	Hà Nội	2.98	Khá	
11	21040407	Đỗ Ngọc Diệp	15/09/2003	Nữ	Hải Phòng	2.96	Khá	
12	21041573	Mai Ngọc Diệu	10/11/2003	Nữ	Ninh Bình	3.39	Giỏi	
13	21040432	Phùng Thị Thùy Dung	02/02/2003	Nữ	Phú Thọ	3.23	Giỏi	
14	21040037	Nguyễn Thị Thùy Dương	19/09/2003	Nữ	Hưng Yên	3.65	Xuất sắc	
15	21041577	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.44	Giỏi	
16	21040393	Phạm Ánh Dương	25/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.37	Giỏi	
17	21041579	Lưu Hương Giang	03/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.29	Giỏi	
18	21041581	Nguyễn Thu Giang	07/10/2003	Nữ	Phú Thọ	3.30	Giỏi	
19	21041584	Nguyễn Việt Hà	25/09/2003	Nữ	Phú Thọ	3.18	Khá	
20	21041585	Nguyễn Thị Hạ	01/06/2003	Nữ	Hưng Yên	3.25	Giỏi	
21	21041646	Lê Thị Hạnh	06/12/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.43	Giỏi	
22	21041588	Vũ Thị Hồng Hạnh	11/01/2003	Nữ	Ninh Bình	3.12	Khá	
23	21041590	Hoàng Thu Hiền	14/07/2003	Nữ	Hưng Yên	3.32	Giỏi	
24	21041647	Nguyễn Thị Thảo Hiền	18/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.21	Giỏi	
25	21041591	Trần Thị Hoa	15/03/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.58	Giỏi	
26	21041649	Ngô Thị Huệ	25/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.02	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
27	21041651	Nguyễn Thị Huyền	23/05/2003	Nữ	Hung Yên	3.40	Giỏi	
28	20041159	Phạm Thị Khánh Huyền	02/10/2002	Nữ	Hà Tĩnh	3.71	Xuất sắc	
29	20040513	Đinh Thu Hương	20/03/2002	Nữ	Phú Thọ	3.47	Giỏi	
30	21041594	Đỗ Thị Thu Hương	04/06/2003	Nữ	Hải Phòng	3.29	Giỏi	
31	21041654	Lý Thị Hường	12/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.67	Xuất sắc	
32	21041595	Nguyễn Thị Thu Lan	01/12/2003	Nữ	Gia Lai	3.69	Xuất sắc	
33	21040162	Nguyễn Thị Liên	25/03/2003	Nữ	Hung Yên	3.27	Giỏi	
34	21041597	Bùi Diệu Linh	07/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.42	Giỏi	
35	21041659	Bùi Phương Linh	22/10/2003	Nữ	Hung Yên	3.44	Giỏi	
36	21041660	Dương Thị Diệu Linh	15/11/2003	Nữ	Ninh Bình	3.26	Giỏi	
37	21041598	Đặng Thị Diệu Linh	14/04/2003	Nữ	Hung Yên	3.50	Giỏi	
38	21041662	Hoàng Diệu Linh	11/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.58	Giỏi	
39	21040261	Nguyễn Khánh Linh	02/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.36	Giỏi	
40	21041601	Lương Xuân Mai	08/01/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.08	Khá	
41	21040270	Trần Nhật Minh	14/11/2003	Nam	Hà Nội	2.84	Khá	
42	21040622	Giang Trà My	14/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.43	Giỏi	
43	21041669	Hoàng Thị Nam	24/10/2003	Nữ	Nghệ An	2.98	Khá	
44	21041670	Nguyễn Thị Thúy Nga	06/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.04	Khá	
45	21040234	Nguyễn Thị Vân Nga	23/01/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.27	Giỏi	
46	21041606	Ngô Bích Ngọc	10/10/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.28	Giỏi	
47	21041672	Phan Thị Ngọc	09/12/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.25	Giỏi	
48	21041609	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	29/11/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.14	Khá	
49	21040042	Nguyễn Thị Nhân	27/04/2003	Nữ	Hải Phòng	3.53	Giỏi	
50	20041664	Nguyễn Hồng Nhung	12/01/2002	Nữ	Nghệ An	2.82	Khá	
51	21041675	Tạ Phương Nhung	29/08/2003	Nữ	Phú Thọ	3.56	Giỏi	
52	21041676	Nguyễn Thị Tâm Như	14/05/2003	Nữ	Hung Yên	3.27	Giỏi	
53	21041678	Khổng Kim Oanh	23/06/2003	Nữ	Lào Cai	3.12	Khá	
54	21041679	Bùi Thị Lan Phương	04/03/2003	Nữ	Hung Yên	3.28	Giỏi	
55	21041684	Lương Phương Thảo	18/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.07	Khá	
56	21040199	Ngô Thị Thảo	05/03/2003	Nữ	Hung Yên	3.29	Giỏi	
57	21041685	Nguyễn Thị Thương Thảo	08/06/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.45	Giỏi	
58	21041623	Nguyễn Anh Thư	04/11/2003	Nữ	Lào Cai	3.28	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
59	21040468	Lê Huyền Thương	19/07/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.50	Giỏi	
60	21041691	Nguyễn Thùy Tiên	07/05/2003	Nữ	Phú Thọ	3.06	Khá	
61	21041694	Lục Thị Trang	18/12/2003	Nữ	Bắc Ninh	2.85	Khá	
62	20041236	Nguyễn Thị Kiều Trang	26/02/2002	Nữ	Gia Lai	3.09	Khá	
63	21041633	Trần Thị Thu Trang	12/01/2003	Nữ	Ninh Bình	3.40	Giỏi	
64	21041697	Dương Thị Thanh Trúc	09/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.30	Giỏi	
65	21041634	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17/06/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.28	Giỏi	
66	21041635	Đào Khánh Uyên	02/04/2003	Nữ	Lạng Sơn	2.90	Khá	
67	21040296	Nguyễn Hoàng Lan Vy	17/07/2003	Nữ	Hà Nội	2.82	Khá	

Danh sách gồm: 67 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2021.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Ả Rập Mã ngành đào tạo: 7220211

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041713	Nguyễn Văn Nam	08/02/2003	Nam	Hải Phòng	2.88	Khá	
2	21041718	Đỗ Như Quỳnh	17/02/2003	Nữ	Hung Yên	2.64	Khá	
3	21041722	Vũ Thu Thảo	03/04/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.54	Giỏi	
4	21041726	Lê Thị Huyền Trang	15/10/2003	Nữ	Hung Yên	2.70	Khá	

Danh sách gồm: 4 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 5196 ngày 24/09/2025)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Ả Rập

Mã ngành đào tạo: 7220211

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040717	Hứa Thị Lưu	23/07/2001	Nữ	Lạng Sơn	2.67	Khá	
2	19040727	Nguyễn Thanh Tú	11/09/2001	Nữ	Hà Nội	3.47	Giỏi	

Danh sách gồm: 2 sinh viên ✓

Hà Nội, Ngày 24 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa